

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 496/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số A hẻm H H, phường K, thành phố Hà Nội.

2- Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1991; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Y, xã Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường K, thành phố Hà Nội) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị O, anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên xin thuận tình ly hôn. Xét việc anh chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của anh chị, cho anh chị được thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O có 03 con chung là Trần Đăng Q, sinh ngày 07/9/2014; Trần Thanh H, sinh ngày 02/6/2016 và Trần Đăng K, sinh ngày 17/11/2023. Ly hôn, anh chị thỏa thuận anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đăng Q, chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu Đăng K. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Anh Tuấn A1 và chị O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Tuấn A1 và chị O xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Tuấn A1 tự nguyện chịu cả tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O.

- Về con chung: Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O có 03 con chung là Trần Đăng Q, sinh ngày 07/9/2014; Trần Thanh H, sinh ngày 02/6/2016 và Trần Đăng K, sinh ngày 17/11/2023. Giao cháu Trần Đăng Q cho anh Trần Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Thanh H và cháu Trần Đăng K cho chị Lê Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Trần Tuấn A và chị Lê Thị Kiều O xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2- Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Tuấn A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011054 ngày 10/10/2025 đơn vị nhận tiền Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Hà Nội.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay/ sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 Hà Nội;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 Hà Nội;
- UBND phường K, Hà Nội (GCN kết hôn số m ngày f/4/2014 tại UBND phường K, T, Hà Nội);
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phương Thúy